

Số: 137 /QĐ-iPFC

Cà Mau, ngày 27 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận kết quả thi nghiệp vụ
chuyên môn về đấu thầu năm 2025 – Lựa chọn nhà thầu kỳ 01**

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM XÚC TIẾN ĐẦU TƯ
VÀ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH CÔNG**

Căn cứ Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT ngày 06/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và thi, cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu;

Căn cứ Thông tư số 105/2025/TT-BTC ngày 31/10/2025 Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT ngày 06/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và thi, cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu;

Căn cứ Quyết định số 01472/QĐ-UBND ngày 22/10/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Dịch vụ tài chính công thuộc Sở Tài chính tỉnh Cà Mau;

Theo đề nghị của Hội đồng thi nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu năm 2025 – Lựa chọn nhà thầu kỳ 01 được tổ chức kỳ thi ngày 25/11/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thi nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu năm 2025 – Lựa chọn nhà thầu kỳ 01, gồm 242 thí sinh (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các thí sinh đạt kỳ thi nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu năm 2025 – Lựa chọn nhà thầu kỳ 01 được cấp Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu theo quy định tại Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT ngày 06/3/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và thi, cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 105/2025/TT-BTC ngày 31/10/2025 Bộ trưởng Bộ Tài chính).

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng thi và các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đăng tải lên Hệ thống;
- Lưu: VT, HĐT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Văn Phúc

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH CÀ MAU
TRUNG TÂM XÚC TIẾN ĐẦU TƯ
VÀ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH CÔNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN KẾT QUẢ THI NGHIỆP VỤ
CHUYÊN MÔN VỀ ĐẦU THẦU NĂM 2025 - LỰA CHỌN NHÀ THẦU KỲ 01**

(Kèm theo Quyết định số 137 /QĐ-iPFC ngày 17 /11 /2025 của Giám đốc
Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Dịch vụ tài chính công tỉnh Cà Mau

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước /Hộ chiếu	Điểm thi	Ghi chú
1	CM2.0001	Nguyễn Thúy Ái	15/05/2000	*****2956	82	
2	CM.0001	Nguyễn Thị Thúy An	13/09/1989	*****6180	100	
3	CM2.0002	Nguyễn Thị Hoàng Anh	05/05/1987	*****5098	83,5	
4	CM2.0003	Phạm Lan Anh	12/05/1985	*****4484	88,25	
5	CM.0002	Trần Thị Tú Anh	17/11/1982	*****2422	97,25	
6	CM2.0004	Bùi Chí Bảo	17/10/1996	*****4586	80,25	
7	CM.0003	Trần Thị Thanh Bảo	15/02/1991	*****3407	94,5	
8	CM.0004	Trần Thế Bảo	28/11/1979	*****0100	92,25	
9	CM.0005	Đinh Hải Bằng	06/08/1972	*****8821	73,25	
10	CM.0006	Nguyễn Văn Bé	28/11/1966	*****2795	81	
11	CM.0007	Trần Ngọc Bích	14/11/1982	*****1810	53,5	
12	CM.0008	Võ Tường Bích	24/04/1980	*****0957	-	Không thi
13	CM.0009	Nguyễn Hữu Bôn	15/05/1979	*****1862	-	Không thi
14	CM2.0005	Ngô Hồng Cẩm	15/02/1985	*****5428	88,25	
15	CM2.0006	Lê Cẩm Chi	10/07/1995	*****9386	97,5	
16	CM.0010	Nguyễn Thị Lan Chi	16/10/1984	*****1195	88,75	
17	CM2.0007	Trương Thị Phương Chi	23/10/1983	*****7429	87,25	
18	CM.0011	Phan Văn Chiến	04/11/1995	*****4993	82	
19	CM2.0008	Nguyễn Thị Út Chín	11/05/1976	*****3067	74,5	
20	CM.0012	Le Van Cuong	11/11/1988	*****1454	89,75	
21	CM.0013	Lương Chí Cường	27/04/1978	*****4695	-	Không thi
22	CM2.0009	Trần Huy Cường	20/10/1988	*****8724	80,25	
23	CM.0014	Nguyễn Việt Cường	13/01/1979	*****0770	69,5	
24	CM.0015	Thạch Thị Dân	12/06/1970	*****2859	75	
25	CM.0016	Trương Thị Dễ	28/12/1982	*****1585	-	Không thi
26	CM.0017	Huỳnh Văn Dễ	19/05/1977	*****7582	57,5	
27	CM2.0010	Đoàn Văn Diễn	15/07/1982	*****9741	45,75	
28	CM.0018	Nguyễn Hồng Diệp	01/02/1977	*****5783	68,75	
29	CM.0019	Võ Thanh Dinh	22/10/1965	*****1777	88,5	
30	CM2.0011	Đinh Văn Duẩn	05/08/1984	*****5271	49,75	
31	CM.0020	Phạm Thị Hạnh Dung	22/12/1988	*****1712	90,5	
32	CM.0021	Vũ Ngọc Dung	24/04/1984	*****3113	73,5	
33	CM.0022	Hoàng Anh Dũng	18/05/1995	*****1203	-	Không thi
34	CM.0023	Đinh Hữu Duy	01/01/1985	*****0710	73,5	
35	CM.0024	Nguyễn Khắc Duy	10/01/1984	*****2452	69,5	

36	CM2.0012	Phạm Nhật Duy	25/02/1998	*****1696	87,75	
37	CM.0025	Lê Thị Mỹ Duyên	16/11/2002	*****1967	32,5	
38	CM.0026	Đỗ Đại Dương	22/08/1970	*****5254	74,25	
39	CM2.0013	Bùi Quang Đăng	16/03/1989	*****8689	89	
40	CM2.0014	Nguyễn Minh Đăng	19/04/1991	*****7542	70,5	
41	CM.0027	Đỗ Thành Đạt	01/06/1997	*****5543	70,25	
42	CM2.0015	Tô Văn Đạm	07/07/1986	*****0249	79,75	
43	CM2.0016	Trần Quang Điền	08/04/1984	*****6345	100	
44	CM2.0017	Trần Kim Đồng	30/04/1984	*****9105	54,25	
45	CM.0028	Huỳnh Công Đức	09/11/1997	*****9124	93,75	
46	CM.0029	Ngô Minh Đức	31/07/1985	*****4803	100	
47	CM.0030	Nguyễn Minh Đức	08/08/1997	*****0570	100	
48	CM.0031	Hứa Thành Được	21/06/1983	*****3691	90,5	
49	CM2.0018	Nguyễn Trường Giang	16/02/1971	*****2612	62,5	
50	CM2.0019	Đỗ Thiết Giáp	06/08/1985	*****2828	86	
51	CM2.0020	Lê Văn Giàu	02/08/1980	*****0271	83,25	
52	CM.0032	Đoàn Thị Hải	27/10/1985	*****5178	45,5	
53	CM2.0021	Nguyễn Chí Hải	18/03/1989	*****3489	93,75	
54	CM.0033	Đào Duy Hải	17/10/1988	*****2917	87,25	
55	CM.0034	Nguyễn Hoàng Hải	23/09/1978	*****2567	-	Không thi
56	CM.0035	Phạm Kiều Hải	16/07/1995	*****7750	87	
57	CM.0036	Trương Thị Ngọc Hằng	16/12/1978	*****9911	86,25	
58	CM2.0022	Nguyễn Thị Thúy Hằng	27/11/1979	*****0686	98,75	
59	CM.0037	Lê Thị Ngọc Hân	20/01/1991	*****5740	94,25	
60	CM.0038	Vũ Vinh Hiền	01/02/1986	*****4461	81	
61	CM.0039	Nguyễn Tiến Hiệp	31/12/1973	*****5706	66,25	
62	CM.0040	Đặng Vũ Hiệp	13/11/1980	*****4082	77	
63	CM.0041	Ngô Văn Hiếu	23/10/1988	*****8802	67,75	
64	CM.0042	Lê Thị Hữu Hiếu	01/01/1980	*****0763	85,5	
65	CM2.0023	Bui Huy Hoa	18/11/1990	*****1765	98,75	
66	CM.0043	Nguyễn Thái Hòa	02/08/1999	*****0370	69,5	
67	CM.0044	Trần Thị Hoài	31/01/1981	*****2962	50,5	
68	CM.0045	Nguyễn Thị Kim Hồng	24/04/1982	*****1652	-	Không thi
69	CM2.0024	Trần Tuyết Hồng	20/10/1978	*****3007	75,25	
70	CM.0046	Phạm Hoàng Huân	25/02/1978	*****4829	71,75	
71	CM.0047	Phan Mạnh Hùng	20/06/1996	*****9922	77,75	
72	CM2.0025	Lê Hoàng Huy	24/07/1989	*****3555	66,25	
73	CM2.0026	Văn Minh Huy	28/08/1984	*****1249	91,5	
74	CM.0048	Trương Quang Huy	29/01/1988	*****7244	77,5	
75	CM.0049	Cao Thanh Huy	17/05/2001	*****1117	97,25	
76	CM2.0027	Thái Hán Huyền	19/04/1978	*****9818	93,25	
77	CM.0050	Đinh Thị Thu Huyền	13/01/1990	*****4212	-	Không thi
78	CM.0051	Lại Thị Thu Huyền	06/12/1984	*****0247	92,75	
79	CM.0052	Ngô Thị Thu Hương	25/04/1980	*****3501	78,75	
80	CM.0053	Trần Thị Thanh Hương	10/08/1983	*****0302	98,5	

81	CM.0054	Trần Văn Hương	05/10/1979	*****3272	94,25	
82	CM2.0028	Huỳnh Kha	02/10/1986	*****0599	85,25	
83	CM.0055	Dương Minh Kha	21/11/1994	*****6455	65,5	
84	CM.0056	Lê Thụy Kha	30/08/1995	*****4213	75,75	
85	CM2.0029	Nguyễn Hoàng Khang	06/12/1995	*****0097	67,25	
86	CM2.0030	Trần Quốc Khánh	04/08/1978	*****0428	98,75	
87	CM2.0031	Nguyễn Anh Khoa	16/06/1983	*****3308	82,25	
88	CM2.0032	Phạm Ngọc Khỏe	16/02/1986	*****9957	67	
89	CM.0057	Nguyễn Văn Khỏe	20/01/1976	*****0556	83	
90	CM2.0033	Phan Minh Khương	11/12/1972	*****0083	100	
91	CM.0058	Lê Trung Kiên	24/06/1978	*****3355	100	
92	CM.0059	Lê Trung Kiên	11/07/1987	*****4960	96,75	
93	CM.0060	Nguyễn Văn Kiên	15/03/1984	*****3243	84,75	
94	CM2.0034	Hồ Tấn Kiệt	10/10/1969	*****0763	97,25	
95	CM.0061	Trần Thị Kim	13/01/1985	*****2408	72,5	
96	CM2.0035	Bùi Thanh Lâm	18/07/1976	*****6393	93,25	
97	CM.0062	Ngô Thị Hồng Liên	01/10/1975	*****3170	84,5	
98	CM.0063	Hồ Thị Mộng Linh	01/09/1982	*****1108	-	Không thi
99	CM2.0036	Phạm Thị Mỹ Linh	27/10/1979	*****1122	93,25	
100	CM.0064	Tiêu Ngọc Linh	14/09/1978	*****2257	80	
101	CM.0065	Đỗ Thùy Linh	22/08/1987	*****2423	-	Không thi
102	CM.0066	Huỳnh Thị Yến Linh	17/10/1969	*****8221	86,25	
103	CM2.0037	Nguyễn Văn Lịnh	20/04/1985	*****9735	93,75	
104	CM.0067	Nguyễn Thành Long	14/02/1972	*****0961	97,25	
105	CM2.0038	Trần Quang Lộc	20/10/1998	*****5607	94,25	
106	CM.0068	Trần Minh Luân	12/04/1982	*****6507	97,5	
107	CM.0069	Huỳnh Phú Luân	01/01/1982	*****8460	-	Không thi
108	CM.0070	Nguyễn Võ Phước Luân	26/07/1987	*****2456	92,75	
109	CM.0071	Nông Thị Lường	15/01/1994	*****1543	74,5	
110	CM2.0039	Trần Công Minh	31/08/1984	*****7653	84,75	
111	CM.0072	Nguyễn Ngọc Minh	08/04/1978	*****0344	94,75	
112	CM.0073	Trương Quang Minh	11/02/1983	*****1112	81,25	
113	CM2.0040	Đào Thị Tuyết Minh	03/01/1973	*****7853	96	
114	CM2.0041	Huỳnh Tuấn Mỹ	10/09/1978	*****0207	59	
115	CM2.0042	Trần Văn Na	11/12/1986	*****5026	63	
116	CM2.0043	Phạm Hoài Nam	02/05/1983	*****3987	76,75	
117	CM.0074	Trần Trầm Hữu Nam	18/04/1998	*****1116	34,75	
118	CM.0075	Phạm Thành Nam	10/11/1984	*****0081	84,75	
119	CM2.0044	Đỗ Trường Nam	01/01/1990	*****2019	82,5	
120	CM.0076	Dương Văn Nam	22/06/1979	*****8378	-	Không thi
121	CM.0077	Trần Ngọc Nền	27/10/1970	*****9340	88,25	
122	CM.0078	Lương Thị Ngọc Ngà	24/08/1994	*****0878	98,5	
123	CM2.0045	Đỗ Thành Ngải	09/09/1973	*****4021	57	
124	CM2.0046	Nguyễn Thị Thùy Ngân	01/02/1997	*****8982	88,5	
125	CM2.0047	Trương Thị Mộng Nghi	17/06/1994	*****5964	89	



126	CM.0079	Cao Thị Uyên Nghi	11/06/1983	*****3484	92	
127	CM2.0048	Nguyễn Việt Ngoan	16/04/1979	*****0163	93	
128	CM2.0049	Lê Như Ngọc	19/03/1979	*****5194	98,75	
129	CM.0080	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	29/11/1985	*****4469	87	
130	CM2.0050	Trương Trọng Nguyễn	19/03/1985	*****9613	-	Không thi
131	CM2.0051	Nhan Trí Nguyễn	01/01/1998	*****7660	89,25	
132	CM.0081	Lê Hoàng Nhân	10/10/1982	*****6109	98,75	
133	CM.0082	Trương Chí Nhân	29/06/1997	*****5354	86,5	
134	CM.0083	Võ Hùng Nhân	26/12/1977	*****8854	-	Không thi
135	CM.0084	Phạm Thành Nhân	25/09/1982	*****5835	84	
136	CM2.0052	Trần Lê Thiên Nhân	08/10/1982	*****7080	82,25	
137	CM2.0053	Võ Ý Nhiên	25/04/2001	*****0906	98,75	
138	CM.0085	Nguyễn Văn Nhiều	10/12/1975	*****7132	96	
139	CM2.0054	Phạm Văn Nhó	10/10/1973	*****0216	98,75	
140	CM.0086	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	22/06/1989	*****1973	93,5	
141	CM.0087	Phạm Thị Hồng Nhung	20/01/1990	*****8918	94,5	
142	CM.0088	Nguyễn Thị Huỳnh Như	07/01/1982	*****1143	94,5	
143	CM2.0055	Trương Huỳnh Như	03/10/1984	*****5209	78	
144	CM.0089	Võ Ngọc Quỳnh Như	27/11/2002	*****8933	92,25	
145	CM.0090	Lê Thị Như	02/12/1991	*****0515	78	
146	CM2.0056	Vương Quang Nhường	02/05/1967	*****0359	68,5	
147	CM2.0057	Nguyễn Cao Nhựt	20/11/1990	*****8058	80,75	
148	CM2.0058	Nguyễn Như Niên	08/04/1983	*****0260	73,25	
149	CM.0091	Trần Thị Thu Nở	04/10/1994	*****0089	87,75	
150	CM.0092	Nguyễn Minh Tiến Phát	23/02/1990	*****6762	75,5	
151	CM2.0059	Nguyễn Vĩnh Phát	23/12/2000	*****7878	53,5	
152	CM2.0060	Bùi Thanh Phong	25/10/1980	*****0212	67,5	
153	CM.0093	Lê Thanh Phong	02/08/2001	*****3433	81	
154	CM.0094	Nguyễn Thanh Phong	09/11/1991	*****1063	79	
155	CM.0095	Lê Phú	10/10/2000	*****1293	-	Không thi
156	CM2.0061	Phạm Minh Phú	30/01/1971	*****9417	90,25	
157	CM.0096	Võ Thành Phúc	29/03/1984	*****0213	75,75	
158	CM.0097	Nguyễn Thị Phúc	12/07/1981	*****1539	77,5	
159	CM.0098	Huỳnh Văn Phúc	29/06/1993	*****1429	82	
160	CM2.0062	Phan Văn Phúc	10/09/1978	*****0429	97,25	
161	CM2.0063	Võ Hữu Phước	02/01/1975	*****0522	98,75	
162	CM2.0064	Nguyễn Thiện Phước	20/04/1986	*****7380	66,25	
163	CM.0099	Trần Anh Phương	24/12/1981	*****1115	70	
164	CM.0100	Võ Thị Kim Phương	07/12/1972	*****1410	89	
165	CM.0101	Nguyễn Thanh Phương	14/06/1994	*****9488	79,25	
166	CM.0102	Phan Thanh Phương	16/04/1979	*****3745	97,25	
167	CM2.0065	Ngô Thị Phương	18/01/1989	*****8556	84	
168	CM.0103	Nguyễn Thị Phượng	06/07/1996	*****0734	93	
169	CM.0104	Nguyễn Phước Minh Quân	25/06/1975	*****0305	98,75	
170	CM2.0066	Phùng Như Quý	26/09/1982	*****7988	76,75	

171	CM2.0067	Trần Quang Quy	13/10/1995	*****0397	95,75	
172	CM.0105	Liêu Hải Quyên	14/12/1983	*****0020	95,75	
173	CM.0106	Trương Thị Phương Quỳnh	11/09/1985	*****5717	92,5	
174	CM.0107	Phan Nguyễn Văn Quỳnh	25/05/1972	*****5174	-	Không thi
175	CM2.0068	Vũ Xuân Sáng	29/05/1975	*****8944	87	
176	CM.0108	Đoàn Trường Sanh	20/02/1987	*****0293	73,75	
177	CM.0109	Đỗ Thị Sen	05/11/1989	*****2477	98,75	
178	CM2.0069	Võ Cẩm Sơn	16/04/1986	*****8245	84,75	
179	CM.0110	Vũ Hoàng Sơn	23/11/1989	*****9767	98,75	
180	CM2.0070	Võ Thái Sơn	29/04/1981	*****0562	94,5	
181	CM2.0071	Phan Thị Thanh Tâm	01/10/1980	*****5097	81,75	
182	CM.0111	Võ Thanh Tâm	16/10/1976	*****0026	66	
183	CM.0112	Nguyễn Thị Thu Tâm	01/05/1983	*****0560	74,25	
184	CM.0113	Nguyễn Duy Tân	10/02/1982	*****0981	90,25	
185	CM.0114	Phạm Hồng Thái	09/11/1978	*****2473	92,25	
186	CM.0115	Nguyễn Hoài Thanh	16/01/1986	*****4578	94,25	
187	CM.0116	Thiều Thị Kim Thanh	05/11/1980	*****0927	98,75	
188	CM2.0072	Vũ Thị Lan Thanh	19/06/1978	*****7741	97,5	
189	CM.0117	Nguyễn Văn Thanh	01/08/1976	*****7637	90,5	
190	CM.0118	Nhâm Đại Thành	29/05/1990	*****6430	-	Không thi
191	CM.0119	Trịnh Đình Thảo	22/02/1976	*****8848	97,25	
192	CM2.0073	Quách Đình Thi	01/01/1990	*****9192	79,25	
193	CM.0120	Châu Đặng Hữu Thịnh	23/05/1999	*****9526	86	
194	CM2.0074	Lâm Quốc Thịnh	15/08/1990	*****9307	100	
195	CM2.0075	Phạm Huy Thông	19/08/1992	*****5276	-	Không thi
196	CM.0121	Lê Đình Thuận	18/10/1989	*****2129	-	Không thi
197	CM2.0076	Hồng Minh Thùy	17/05/1980	*****0210	89,25	
198	CM2.0077	Lê Thị Trúc Thủy	15/10/1986	*****3895	92,75	
199	CM.0122	Lê Trần Kim Thùy	29/12/1995	*****5301	63,25	
200	CM.0123	Lê Thị Bích Thủy	16/12/1985	*****1812	87,25	
201	CM.0124	Cao Hữu Thức	18/05/1978	*****2091	90,5	
202	CM.0125	Mạc Văn Thục	27/11/1979	*****6434	97,25	
203	CM.0126	Nguyễn Việt Tiến	08/10/1989	*****8679	94,5	
204	CM2.0078	Nguyễn Việt Tiệp	07/07/1974	*****0086	93	
205	CM.0127	Ngô Hoàng Tín	27/11/1968	*****3522	97,5	
206	CM.0128	Nguyễn Trung Tín	08/11/1980	*****6647	92,75	
207	CM.0129	Đặng Đức Toàn	05/11/1982	*****0238	85,5	
208	CM.0130	Bùi Minh Toàn	12/11/1989	*****4121	80,25	
209	CM2.0079	Lê Ngọc Toàn	04/05/1979	*****3547	98,75	
210	CM2.0080	Phan Quốc Toàn	01/11/1988	*****6405	97	
211	CM.0131	Kim Ngọc Thanh Toàn	28/12/1984	*****0971	96	
212	CM.0132	Nguyễn Thị Diễm Trang	31/03/1976	*****4396	98,5	
213	CM2.0081	Nguyễn Thị Diễm Trang	03/03/1977	*****0186	94,75	
214	CM.0133	Trần Huỳnh Trang	08/12/1991	*****8297	69,5	
215	CM.0134	Bùi Thị Hương Trang	18/06/1990	*****7115	89,5	

216	CM.0135	Le Thi Trang	25/06/1988	*****6783	36,5	
217	CM.0136	Phạm Thị Thu Trang	11/11/1981	*****2691	-	Không thi
218	CM.0137	Thái Hải Trí	14/01/1974	*****9426	98	
219	CM.0138	Huỳnh Minh Trí	18/10/1980	*****3314	73,75	
220	CM.0139	Lê Đức Minh Trí	03/07/1992	*****7342	84	
221	CM.0140	Cao Minh Trị	09/09/1977	*****0105	-	Không thi
222	CM.0141	Lý Tú Trinh	04/02/1989	*****5894	58,5	
223	CM.0142	Hoàng Đức Trịnh	15/02/1972	*****3302	38,75	
224	CM.0143	Lê Quốc Trọng	03/07/1984	*****0122	50,75	
225	CM2.0082	Trần Thanh Trúc	07/12/1979	*****9763	93,25	
226	CM.0144	Trần Thị Thanh Trúc	08/11/1991	*****1623	79,25	
227	CM2.0083	Trần Văn Thế Trung	01/06/1982	*****8408	97,5	
228	CM.0145	Nguyễn Toàn Trung	01/05/1989	*****7682	-	Không thi
229	CM2.0084	Dương Minh Tú	01/01/1980	*****0537	73	
230	CM.0146	Nguyễn Thanh Tú	12/08/1982	*****5351	82,25	
231	CM.0147	Nguyễn Hoàng Tuấn	14/02/1988	*****2995	88,25	
232	CM2.0085	Dương Minh Tuấn	25/12/1985	*****5986	53,75	
233	CM2.0086	Hồ Thanh Tuấn	22/01/1987	*****0902	60,25	
234	CM2.0087	Nguyễn Thanh Tùng	27/09/1968	*****0101	75,25	
235	CM.0148	Trương Việt Tùng	23/05/1982	*****0253	91,75	
236	CM2.0088	Nguyễn Văn Tư	01/01/1985	*****0290	78	
237	CM.0149	Nguyễn Thị Huyền Vân	18/09/1982	*****0256	88	
238	CM.0150	Nguyễn Hàng Minh Vinh	10/01/1993	*****8644	92,5	
239	CM2.0089	Đoàn Trường Vinh	19/07/1994	*****4376	98,75	
240	CM2.0090	Trần Đỗ Vũ	07/05/1979	*****0304	74	
241	CM2.0091	Nguyễn Bắc Vương	25/10/1976	*****8503	-	Không thi
242	CM2.0092	Trần Ngọc Thảo Vy	16/06/2000	*****5749	93,5	